

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch thực hiện cải thiện Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Thanh Hóa.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;*

*Căn cứ Kế hoạch số 196-KH/TU ngày 29/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1772/TTr-SKHCHN ngày 25/11/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện cải thiện Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Thanh Hóa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Mục đích, yêu cầu**

**1.1. Mục đích**

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và Kế hoạch số 196-KH/TU ngày 29/3/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhằm cải thiện Bộ chỉ số PII tỉnh Thanh Hóa, phấn đấu Thanh Hóa nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố có thứ hạng cao của cả nước.

## 1.2. Yêu cầu

- Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện việc cải thiện Bộ chỉ số PII tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo hiệu quả và phát huy tối đa vai trò các cấp, các ngành.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, đảm bảo cho việc triển khai thực hiện Kế hoạch hiệu quả.

## 2. Mục tiêu

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm của cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh về việc cải thiện Bộ chỉ số PII; triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm cải thiện Bộ chỉ số PII của tỉnh Thanh Hóa năm 2024 và những năm tiếp theo; đồng thời, sử dụng có hiệu quả Bộ chỉ số PII để xây dựng các chính sách thúc đẩy phát triển KT-XH của tỉnh dựa trên KH&CN và ĐMST.

- Duy trì được các chỉ số thành phần là thế mạnh của tỉnh, cải thiện các chỉ số thành phần còn yếu của Thanh Hóa, phấn đấu tăng điểm số và thứ hạng trong những năm tiếp theo; đến năm 2030, xếp hạng PII của tỉnh Thanh Hóa nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước (chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo).

## 3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, bản chất của ĐMST và Chỉ số PII tới hệ thống chính trị các cấp, các ngành và tầng lớp nhân dân.

3.2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 196-KH/TU ngày 29/3/2024 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của BCH Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó có tập trung đẩy mạnh ĐMST trên địa bàn tỉnh.

3.3. Quán triệt về nội dung, trách nhiệm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số PII của tỉnh trong năm 2024 và các năm tiếp theo đến các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức KH&CN, các trường đại học, cao đẳng và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo cụ thể, sát với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế.

3.4. Tập trung theo dõi, tham mưu, đề xuất và triển khai các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số của 07 trụ cột, 52 chỉ số thành phần của Chỉ số PII của tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Tổ chức thực hiện bảo đảm tiến độ, chất lượng việc thu thập và cung cấp số liệu, tài liệu phục vụ công tác tính toán, đánh giá Bộ chỉ số PII của tỉnh năm 2024 và những năm tiếp theo.

*(Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

**1.** Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện theo nội dung được phân công tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; định kỳ hoặc khi có yêu cầu báo cáo UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện (qua Sở Khoa học và Công nghệ).

### **2. Sở Khoa học và Công nghệ:**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan đôn đốc các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng; đồng thời, là đầu mối tổng hợp, hướng dẫn các đơn vị thu thập đầy đủ số liệu và tài liệu minh chứng đối với chỉ số do địa phương trực tiếp cung cấp số liệu để phục vụ tính toán Chỉ số PII của tỉnh hàng năm theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ; định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí triển khai Kế hoạch cải thiện Bộ Chỉ số PII trên địa bàn tỉnh hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**3.** Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

## **Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**PHỤ LỤC**  
**KẾT QUẢ PII NĂM 2023 VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CẢI THIỆN**  
**BỘ CHỈ SỐ PII CỦA TỈNH THANH HÓA GIAI ĐOẠN 2024-2030**

(Kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Trụ cột/Chỉ số/Chỉ số thành phần	Xếp hạng năm 2023	Mục tiêu xếp hạng năm 2024	Mục tiêu xếp hạng đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị đầu mối/chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Giải pháp	Thời gian thực hiện
<b>1</b>	<b>THỂ CHẾ</b>	<b>20</b>	<b>&lt;20</b>	<b>&lt;10</b>				
<b>1.1</b>	<b>Môi trường, chính sách</b>	<b>2</b>	<b>≤2</b>	<b>≤2</b>				
1.1.1	Chính sách thúc đẩy KH, CN, ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương.	12	≤12	≤10	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ban, ngành;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị có liên quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính của Trung ương và của tỉnh thúc đẩy KH, CN và ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của tỉnh.</li> <li>- Rà soát, tham mưu đề cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về KH, CN và ĐMST phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả.</li> </ul>	Thường xuyên
1.1.2	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (Chỉ số thành phần (chỉ số 10) thuộc Chỉ số	15	<15	≤10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tòa án tỉnh;</li> <li>- Sở Tư pháp;</li> <li>- Công an tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ban, ngành;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> </ul>	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh	Hàng năm

	Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)					- Các đơn vị có liên quan.		
1.1.3	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (Chỉ số thành phần (chỉ số 8) thuộc Chỉ số PCI)	2	$\leq 2$	$\leq 2$	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Các đơn vị có liên quan	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh.	Thường xuyên
<b>1.2</b>	<b>Môi trường kinh doanh</b>	<b>54</b>	<b>&lt;54</b>	<b>&lt;20</b>	<b>04 chỉ số thành phần</b>			
1.2.1	Chi phí gia nhập thị trường (Chỉ số thành phần (chỉ số 1) thuộc Chỉ số PCI.)	54	<b>&lt;50</b>	<b>&lt;20</b>	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố;	Các đơn vị có liên quan	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh	Thường xuyên
1.2.2	Tính năng động của chính quyền địa phương (Chỉ số thành phần (chỉ số 7) thuộc Chỉ số PCI.)	55	<50	<20	UBND các cấp	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh.	Thường xuyên
1.2.3	Cải cách hành chính (Chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh (Par Index) được công bố hàng năm.	10	$\leq 10$	<10	Sở Nội vụ	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh	Thường xuyên

1.2.4	Cạnh tranh bình đẳng (Chỉ số thành phần (chỉ số 6) thuộc Chỉ số PCI.)	53	<50	<20	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Các đơn vị có liên quan	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh	Thường xuyên
2	<b>VỐN CON NGƯỜI VÀ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN</b>	<b>43</b>	<b>&lt;43</b>	<b>&lt;15</b>				
2.1	<b>Giáo dục</b>	<b>42</b>	<b>&lt;42</b>	<b>&lt;25</b>				
2.1.1	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT (5 môn)	18	≤20	<20	Sở Giáo dục và Đào tạo	- UBND các huyện thị xã, thành phố; - Các trường THPT, các cơ sở giáo dục.	Tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh	Hàng năm
2.1.2	Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học và kỹ thuật (%)	35	<35	<20	Sở Giáo dục và Đào tạo	- Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Thanh Hóa; - Tỉnh Đoàn, - UBND các địa phương; - Các trường THPT, các cơ sở giáo dục.	Tham mưu giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, tổ chức đa dạng các cuộc thi thuộc lĩnh vực KH&CN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh	Hàng năm
2.1.3	Chi cho GD&ĐT bình quân 01 người đi học (triệu đồng)	53	<50	<20	- Sở Tài chính; - Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các đơn vị có liên quan	- Sở Tài chính: Tham mưu nguồn kinh phí chi cho GD&ĐT từ ngân sách địa phương. - Sở Giáo dục và Đào tạo:	Hàng năm

							Tổng hợp, rà soát, tham mưu về nhu cầu chi cho GD&ĐT.	
<b>2.2</b>	<b>Nghiên cứu và phát triển</b>	<b>37</b>	<b>&lt;37</b>	<b>&lt;15</b>				
2.2.1	Nhân lực nghiên cứu và phát triển (toàn thời gian) /10.000 dân	32	<32	<15	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan	Tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp vào các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Hằng năm
2.2.2	Chi cho khoa học và công nghệ/GRDP (%), bao gồm: Chi chi đầu tư phát triển; chi sự nghiệp KH&CN (Chi thường xuyên, chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chi thực hiện chính sách KH&CN); chi khác.	22	<22	<15	- Sở Tài chính; - Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan.	Tham mưu nguồn kinh phí chi cho KH&CN từ ngân sách địa phương; chú trọng chi đầu tư phát triển để nâng cao tiềm lực về KH&CN, đặc biệt là các dự án trọng điểm được đưa vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.	Hằng năm
2.2.3	Chi cho nghiên cứu và phát triển/GRDP (%)	35	<35	<15	- Sở Tài chính. - Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan.		

2.2.4	Số tổ chức KH&CN/ 10.000 dân	35	<35	<20	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị có liên quan.	Tham mưu phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập; tăng cường quản lý cấp phép và hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh.	Hàng năm
<b>3</b>	<b>CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>	<b>46</b>	<b>&lt;40</b>	<b>&lt;15</b>				
<b>3.1</b>	<b>Hạ tầng ICT</b>	<b>42</b>	<b>&lt;42</b>	<b>&lt;15</b>				
3.1.1	Hạ tầng số (Chỉ số thành phần (chỉ số chính thứ 3) thuộc Chỉ số Chuyển đổi số DTI.)	52	<50	<20	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Tham mưu triển khai giải pháp nâng cao chỉ số chuyển đổi số DTI do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và công bố.	Thường xuyên
3.1.2	Quản trị điện tử. (Chỉ số thành phần (trục 8) thuộc Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI).)	27	<27	<15	Sở Thông tin và Truyền thông	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan	Tham mưu triển khai giải pháp chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI)	Thường xuyên
<b>3.2</b>	<b>Hạ tầng chung và môi trường sinh thái</b>	<b>46</b>	<b>&lt;46</b>	<b>&lt;15</b>				



3.2.1	Cơ sở hạ tầng cơ bản (Hạ tầng khu công nghiệp, Hạ tầng đường bộ, Hạ tầng điện năng, Hạ tầng viễn thông, Các loại hạ tầng khác)	32	<32	<15	- Sở Thông tin và Truyền thông; - Sở Xây dựng; - Sở Giao thông vận tải; - Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN.	UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan	Tham mưu thực hiện nâng cao chỉ số thành phần này do VCCI xây dựng và công bố trong báo cáo PCI được xây dựng dựa trên kết hợp nguồn thông tin của cơ quan nhà nước và khảo sát doanh nghiệp.	Thường xuyên
3.2.2	Tỉ lệ đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng (%)	55	<50	<20	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan	Tham mưu, triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp.	Thường xuyên
3.2.3	Quản trị Môi trường. (Chỉ số thành phần (trục 7) thuộc Chỉ số PAPI.)	16	≤16	<10	Sở Tài nguyên và Môi trường	- UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Tham mưu thực hiện nâng cao chỉ số thành phần này thuộc Chỉ số PAPI của tỉnh	Thường xuyên
<b>4</b>	<b>TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG</b>	<b>19</b>	<b>&lt;19</b>	<b>&lt;10</b>				
<b>4.1</b>	<b>Tài chính và đầu tư</b>	<b>32</b>	<b>&lt;32</b>	<b>&lt;15</b>				

4.1.1	Tín dụng cho khu vực tư nhân/1.000 lao động (Tỷ đồng).	46	<42	<15	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa	- Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh Thanh Hóa; - Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh.	Tham mưu cơ chế và triển khai các giải pháp liên quan đến tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh.	Thường xuyên
4.1.2	Tài chính vi mô/GRDP (%).	28	<28	<15	- Ngân hàng nhà nước Việt Nam, chi nhánh Thanh Hóa; - Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.	- Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh; - Các tổ chức tài chính trên địa bàn tỉnh.	- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa: Tham mưu cơ chế và triển khai các giải pháp liên quan đến tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh. - Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: Tham mưu cơ chế và triển khai các giải pháp liên quan đến tín dụng đối với các đối tượng chính sách.	Thường xuyên
4.1.3	Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN (tỷ đồng)	28	<28	<15	- Cục Thuế tỉnh. - Cục Thống kê tỉnh.	UBND các địa phương.	- Cục Thuế tỉnh. - Cục Thống kê tỉnh: Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
4.1.4	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của DN (tỷ đồng).	19	≤19	<10				

4.2	Quy mô thị trường	10	≤10	<10				
4.2.1	Số doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN/1.000 doanh nghiệp (bao gồm: các doanh nghiệp hoạt động pháp luật, kế toán, kiểm toán, dịch vụ trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn quản lý, hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật, nghiên cứu KH&PT công nghệ, quảng cáo và nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, KH&CN)	17	≤17	<10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Sở khoa học và công nghệ;</li> <li>- Sở Tư pháp;</li> <li>- Sở Thông tin và Truyền thông;</li> <li>- Cục Thuế tỉnh;</li> <li>- Cục Thống kê tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị có liên quan.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ngành chủ trì nhiệm vụ: Triển khai các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.</li> <li>- Cục Thống kê tỉnh: Rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.</li> </ul>	Thường xuyên
4.2.2	Mật độ Doanh nghiệp/1.000 dân	29	<29	<15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Cục Thống kê tỉnh.</li> </ul>	UBND các huyện, thị xã, thành phố	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở KH&amp;ĐT: Triển khai các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp.</li> <li>- Cục Thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.</li> </ul>	Thường xuyên

4.2.3	Đóng góp trong GDP cả nước (%)	8	$\leq 8$	$\leq 8$	- Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Cục Thống kê tỉnh.	UBND các huyện, thị xã, thành phố.	- Sở KH&ĐT: Triển khai các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp. - Cục Thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Thường xuyên
<b>5</b>	<b>TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP</b>	<b>22</b>	<b>&lt;22</b>	<b>&lt;10</b>				
<b>5.1</b>	<b>Lao động có kiến thức</b>	<i>12</i>	$\leq 12$	<10				
5.1.1	Tỷ lệ chi đào tạo lao động trong tổng chi của DN (%) (Chỉ số thành phần (chỉ số 9) thuộc Chỉ số PCI.)	7	$\leq 7$	$\leq 7$	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc PCI theo Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh	Hàng năm
5.1.2	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%)	23	<23	<15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao tỷ lệ lao động đã qua đào tạo với tổng số lao động đang làm việc.	Hàng năm
5.1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT (%).	14	$\leq 14$	<10	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Sở KH&CN tổ chức điều tra, rà soát, thống kê hàng năm.	Hàng năm

5.2	<b>Liên kết sáng tạo</b>	<b>34</b>	<b>&lt;34</b>	<b>&lt;10</b>				
5.2.1	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và DN (%)	50	<48	<20	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tổ chức KH&amp;CN;</li> <li>- Các doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ban, ngành;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;</li> <li>- VCCI và các Đơn vị liên quan.</li> </ul>	Các tổ chức KH&CN, trọng tâm là các viện, trường đại học chủ động ký kết và triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch hợp tác với doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các dịch vụ KH&CN; đào tạo nguồn nhân lực KH&CN cung cấp cho doanh nghiệp.	Thường xuyên
5.2.2	Tỷ lệ dự án đầu tư đang hoạt động trong các khu công nghiệp/ 1.000 doanh nghiệp (Theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP; Luật Công nghệ cao; Nghị định 154/2013/NĐ-CP; Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg)	18	≤18	<10	Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Công Thương;</li> <li>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị có liên quan.</li> </ul>	Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.	Thường xuyên
5.2.3	Tỷ lệ các dự án đầu tư đang hoạt động trong các cụm công nghiệp/1.000 DN (Theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP)	23	<23	<10	Sở Công Thương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị liên quan.</li> </ul>	Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.	Thường xuyên

5.3	<b>Hấp thu tri thức</b>	<b>19</b>	<b>≤19</b>	<b>&lt;10</b>				
5.3.1	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP (%)	34	< 34	<15	Ban Quản lý khu Kinh tế Nghi sơn và các KCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư</li> <li>- Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị liên quan.</li> </ul>	Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi, xúc tiến đầu tư và quảng bá hình ảnh quốc gia,... thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.	Hàng năm
5.3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST (%) (Do Tổng cục thống kê thực hiện, dựa trên kết quả điều tra tại các doanh nghiệp).	8	≤8	≤8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;</li> <li>- Cục Thống kê tỉnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ban, ngành;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị có liên quan</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Tham mưu triển khai, hướng dẫn các doanh nghiệp các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.</li> <li>- Cục Thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.</li> </ul>	Hàng năm
5.3.3	Số doanh nghiệp có chứng chỉ ISO/ 1.000 DN (%)	18	≤18	≤10	Sở Khoa học và Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các sở, ban, ngành;</li> <li>- UBND các huyện, thị xã, thành phố;</li> <li>- Các đơn vị có liên quan.</li> </ul>	Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến của doanh nghiệp.	Hàng năm
<b>6</b>	<b>SẢN PHẨM TRI THỨC, SÁNG TẠO VÀ CÔNG NGHỆ</b>	<b>45</b>	<b>&lt;40</b>	<b>&lt;10</b>				

<b>6.1</b>	<b>Sáng tạo tri thức</b>	<b>33</b>	<b>&lt; 33</b>	<b>&lt;15</b>				
6.1.1	Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích/10.000 dân.	47	<47	<20	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và giải pháp hữu ích, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.	Hàng năm
6.1.2	Đơn đăng kí giống cây trồng/10.000 dân.	24	<24	<15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Sở Khoa học và Công nghệ - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua các phương tiện thông tin đại chúng về các quy định của pháp luật bảo hộ giống cây trồng... đến các tổ chức, cá nhân.	Hàng năm
<b>6.2</b>	<b>Tài sản vô hình</b>	<b>58</b>	<b>&lt;58</b>	<b>&lt;15</b>				
6.2.1	Đơn đăng ký nhãn hiệu/1.000 doanh nghiệp	48	<48	≤20	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở Công Thương; - Sở NN&PTNT - Cục Thống kê tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Hàng năm
6.2.2	Đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể/10.000 dân	60	<58	≤20				
6.2.3	Đơn đăng ký thiết kế kiểu dáng công nghiệp/10.000 dân	35	<35	≤20				
6.2.4	Chỉ dẫn địa lý đã được cấp giấy chứng nhận bảo hộ/tổng số xã	40	<40	≤20				

<b>6.3</b>	<b>Lan tỏa tri thức</b>	<b>34</b>	<b>&lt;34</b>	<b>&lt;10</b>				
6.3.1	Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân	20	≤20	<10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Cục Thống kê tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Triển khai có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp.	Hàng năm
6.3.2	Số doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN/1.000 doanh nghiệp.	26	<26	≤15	Sở Khoa học và Công nghệ	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường KH&CN; phát triển số lượng doanh nghiệp KH&CN.	Hàng năm
6.3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập (%)	45	<43	<10	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Kế hoạch và Đầu tư; - Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.	- Tỉnh đoàn; - Liên hiệp các hội KH&KT Thanh Hóa; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh để thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	Hàng năm
<b>7</b>	<b>TÁC ĐỘNG</b>	<b>23</b>	<b>&lt;23</b>	<b>&lt;10</b>				
<b>7.1</b>	<b>Tác động đến sản xuất - kinh doanh</b>	<b>25</b>	<b>&lt;25</b>	<b>&lt;10</b>				



7.1.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	17	$\leq 17$	$< 10$	- Sở Công Thương; - Cục Thống kê tỉnh.	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	- Sở Công Thương: Tham mưu triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp. - Cục Thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
7.1.2	Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã	53	$< 51$	$\leq 20$	Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh	-Sở KH&CN; -Sở NN&PTNT - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	Tham mưu các giải pháp phát triển hỗ trợ tổ chức, cá nhân phát triển các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên	Thường xuyên
7.1.3	Giá trị xuất khẩu/GRDP (%).	24	$< 24$	$< 10$	- Sở Công Thương; - Cục Hải quan.	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	- Sở Công Thương: Tham mưu giải pháp nâng cao các chỉ số. - Cục Hải quan: Hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp; tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
7.1.4	Tốc độ tăng năng suất lao động	2	$\leq 2$	$\leq 2$	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. - Cục Thống kê tỉnh.	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số. - Cục Thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
<b>7.2</b>	<b>Tác động đến kinh tế - xã hội</b>	<b>13</b>	<b><math>\leq 13</math></b>	<b><math>&lt; 10</math></b>				

7.2.1	Tốc độ giảm nghèo	7	$\leq 7$	$\leq 7$	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Cục Thống kê tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số. - Cục thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
7.2.2	Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế trên tổng dân số (%)	23	<23	<15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	- Cục Thống kê tỉnh; - UBND các huyện, thị xã, thành phố.	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số. - Cục thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
7.2.3	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/tháng)	23	<23	<15	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; - Cục Thống kê tỉnh.	- UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan liên quan.	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số. - Cục thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm
7.2.4	Chỉ số phát triển con người	23	<23	<15	- Sở Y tế; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Cục Thống kê tỉnh.	- Các sở, ban, ngành; - UBND các huyện, thị xã, thành phố; - Các đơn vị có liên quan.	- Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo: Tham mưu giải pháp nâng cao chỉ số. - Cục thống kê tỉnh: Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm.	Hàng năm